

BẢNG SỐ 9

BẢNG GIÁ ĐẤT VEN TRỤC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG CHÍNH THUỘC HUYỆN THANH TRÌ

(Kèm theo Quyết định số: 59 /2010/QĐ-UBND ngày 28 /12/2010 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đ/m²

TT	Tên đường	Giá đất ở					Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp				
		Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m	Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4	
a	Quốc lộ										
1	- Ngọc Hồi (Quốc lộ 1A đoạn từ giáp xã Tứ Hiệp đến Cầu Ngọc Hồi)					Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn					Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn
	+ Phía đối diện đường tàu	7 776 000	5 443 000	3 888 000	3 110 000		3 966 000	3 810 000	2 722 000	2 177 000	
	+ Phía đi qua đường tàu	6 480 000	4 536 000	3 240 000	2 592 000		3 888 000	3 175 000	2 268 000	1 814 000	
	- Quốc lộ 1A đoạn từ Cầu Ngọc Hồi đến hết địa phận huyện Thanh Trì .										
	+ Phía đối diện đường tàu	7 128 000	4 990 000	3 564 000	2 851 000		3 920 000	3 493 000	2 495 000	1 996 000	
	+ Phía đi qua đường tàu	5 940 000	4 158 000	2 970 000	2 376 000		3 861 000	2 911 000	2 079 000	1 663 000	
2	Quốc lộ 1B Pháp Vân - Cầu Giẽ đoạn địa phận huyện Thanh Trì	5 670 000	3 969 000	2 835 000	2 268 000		3 686 000	2 778 000	1 985 000	1 588 000	
b	Đường địa phương										
1	Đường gom chân QL 1B (từ hết địa phận quận Hoàng Mai đến hết địa phận huyện Thanh Trì)	3 780 000	2 646 000	1 890 000	1 512 000		2 646 000	1 852 000	1 323 000	1 058 000	

TT	Tên đường	Giá đất ở					Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp				
		Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m	Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4	
2	Đường gom chân đê Sông Hồng (đoạn từ hết địa phận xã Tứ Hiệp đến hết địa phận Huyện Thanh Trì)	3 780 000	2 646 000	1 890 000	1 512 000	Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn	2 646 000	1 852 000	1 323 000	1 058 000	Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn
3	Đường Ngũ Hiệp (từ giáp đường Ngọc Hồi đến hết đường Ngũ Hiệp)	4 726 000	3 308 000	2 363 000	1 890 000		3 308 000	2 316 000	1 654 000	1 323 000	
4	Đường Đông Mỹ (từ cuối đường Ngũ Hiệp đến hết đường Đông Mỹ)	4 726 000	3 308 000	2 363 000	1 890 000		3 308 000	2 316 000	1 654 000	1 323 000	
5	Đường liên xã Đông Mỹ - Vạn Phúc (từ giáp đường Đông Mỹ đến giáp đường đê Sông Hồng)	4 726 000	3 308 000	2 363 000	1 890 000		3 308 000	2 316 000	1 654 000	1 323 000	
6	Đường Liên Ninh - Đại Áng (từ giáp đường QL1A đến giáp đường Vĩnh Quỳnh - Đại Áng)	3 780 000	2 646 000	1 890 000	1 512 000		2 646 000	1 852 000	1 323 000	1 058 000	
7	Đường liên xã Quốc lộ 1A - Liên Ninh - Đông Mỹ (từ giáp đường QL 1A đến hết đường liên xã Liên Ninh-Đông Mỹ)	4 726 000	3 308 000	2 363 000	1 890 000		3 308 000	2 316 000	1 654 000	1 323 000	
8	Đường Ngọc Hồi - Yên Kiện - Lạc Thị (từ giáp QL 1A đến giáp đường Vĩnh Quỳnh - Đại Áng)	3 780 000	2 646 000	1 890 000	1 512 000		2 646 000	1 852 000	1 323 000	1 058 000	

TT	Tên đường	Giá đất ở					Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp				
		Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m	Áp dụng trong phạm vi từ chỉ giới hè đường đến 200m				Ngoài phạm vi 200m
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4	
9	Đường Vĩnh Quỳnh - Đại Áng					Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn					Tính từ chỉ giới hè đường, theo giá đất khu dân cư nông thôn
	+ Từ cuối Thị trấn Văn Điển đến hết địa phận xã Vĩnh Quỳnh.	4 726 000	3 308 000	2 363 000	1 890 000		3 308 000	2 316 000	1 654 000	1 323 000	
	+ Từ hết địa phận xã Vĩnh Quỳnh đến hết địa phận xã Đại Áng	3 780 000	2 646 000	1 890 000	1 512 000		2 646 000	1 852 000	1 323 000	1 058 000	
10	Đường Phan Trọng Tuệ (đoạn qua xã Vĩnh Quỳnh)	5 670 000	3 969 000	2 835 000	2 268 000		3 686 000	2 778 000	1 985 000	1 588 000	
11	Đường liên xã Duyên Hà - Vạn Phúc (từ giáp đê Sông Hồng đến qua UBND xã Vạn Phúc)	3 276 000	2 293 000	1 638 000	1 310 000		2 293 000	1 605 000	1 147 000	917 000	

Ghi chú: Giá đất tại các vị trí 4 theo bảng giá trên đây nhưng không thấp hơn giá đất khu dân cư nông thôn liền kề.